

Số: /QĐ-UBND

Lý Sơn, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án thu - chi của Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, đặc khu Lý Sơn năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU LÝ SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương án giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, huyện Lý Sơn;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, huyện Lý Sơn;

Theo đề nghị của Hội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và Môi trường đặc khu Lý Sơn tại Tờ trình số 06/TTr-ĐQLĐT ngày 08/9/2025 về việc phê duyệt phương án thu - chi của Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt trung tâm đặc khu và Phương án thu - chi của nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình năm 2025; đề xuất của Phòng Kinh tế tại Công văn số 124/PKT ngày 03/10/2025 về việc đề xuất phê duyệt phương án thu - chi của Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, đặc khu Lý Sơn năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án thu - chi của Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, đặc khu Lý Sơn năm 2025, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tổng dự toán thu (bao gồm thuế GTGT, phí BVMT): 80.990.640 đồng.

2. Tổng dự toán chi: 959.011.119 đồng.

Trong đó:

TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Số tiền
1	Chi phí vật tư trực tiếp	C_{vt}	227.917.800
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C_{Nc}	517.429.326
3	Chi phí sản xuất chung	C_{Sxc}	156.575.993
4	Chi phí quản lý	C_{Ql}	55.288.000
5	Chi phí bán hàng	C_{Bh}	1.800.000
	Tổng chi phí sản xuất nước sạch	Ct	959.011.119

3. Ngân sách nhà nước cấp bù

- Theo Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, huyện Lý Sơn thì ngân sách nhà nước cấp bù cụ thể như sau:

- Tổng chi phí sản xuất dự kiến trong năm 2025 là $6.120 \text{ m}^3 \times 99.145 \text{ đồng/m}^3 = 606.767.400 \text{ đồng}$.

- Chi phí ngân sách nhà nước cấp bù theo quy định là: $606.767.400 - 80.990.640 = 525.776.760 \text{ đồng}$

(Kinh phí cấp bù sẽ được chuẩn xác theo giá trị nước sản xuất thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2025).

- Đối với phần kinh phí còn thiếu so với dự toán chi đề nghị Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và Môi trường đặc khu xem xét cân đối lại theo hướng tiết kiệm để đảm bảo chi phí vận hành theo đúng quy định tại Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, huyện Lý Sơn.

(Chi tiết có phương án kèm theo)

Điều 2. Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và Môi trường đặc khu Lý Sơn có trách nhiệm:

- Tổ chức vận hành Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình thực hiện đúng quy trình kỹ thuật của Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Việt Nam hướng dẫn và theo phương án quản lý, vận hành đã được phê duyệt, đảm bảo cung cấp nước sạch đủ số lượng và sản lượng theo phương án được duyệt và chất

lượng nước phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật của ngành y tế; chịu trách nhiệm trước UBND đặc khu về hoạt động của Nhà máy.

- Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và các khoản thu khác (nếu có) và nộp tiền dịch vụ môi trường rừng vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng theo quy định.

- Triển khai thực hiện phương án thu, chi được phê duyệt và quyết toán kinh phí thu, chi theo chế độ tài chính quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên kiểm tra công tác quản lý, vận hành khai thác của Nhà máy đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Chỉ đạo Tổ vận hành Nhà máy vận động và hướng dẫn bà con nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, chống lãng phí, xử lý nghiêm những hộ dân tự ý lấy nước để bán cho các tàu cá hoặc các công trình thi công để thu lợi nhuận và những hộ không nộp tiền nước hằng tháng đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND đặc khu; Trưởng phòng Kinh tế; Đội trưởng Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và Môi trường đặc khu Lý Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND đặc khu (báo cáo);
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- VP, PCVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẶC KHU LÝ SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN

Thu, chi của Nhà máy lọc nước biển

thành nước ngọt An Bình, đặc khu Lý Sơn năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND đặc khu Lý Sơn)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Công văn số 4586/UBND-CNXD ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quản lý, vận hành, khai thác Nhà máy lọc nước biển An Bình, huyện Lý Sơn;

Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, huyện Lý Sơn;

Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, huyện Lý Sơn.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đảm bảo chi phí quản lý, vận hành, sản xuất và cung cấp nước ngọt sinh hoạt hợp vệ sinh cho các hộ dân trên địa bàn thôn Bắc An Bình (đảo Bé), đặc khu Lý Sơn.

- Quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình. Đảm bảo cung cấp nước ngọt phục vụ cho sinh hoạt của Nhân dân thôn Bắc An Bình. Góp phần cải thiện điều kiện sống, nâng cao sức khỏe cho Nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh thôn Bắc An Bình.

- Nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nguồn nước sạch trong sinh hoạt, thực hiện đạt mục tiêu chiến lược của Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã được Chính phủ xác định.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống cấp nước, đưa nước đến các khu vực sử dụng và tới từng hộ gia đình, đảm bảo cho nhân dân có nước ngọt sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Vận hành máy móc, trang thiết bị, vận hành sử dụng đúng quy trình kỹ thuật nhằm tăng tuổi thọ của công trình;

- Đảm bảo việc thực hiện chế độ thu, chi đúng theo phê duyệt của cấp trên. Thực hiện đầy quy định về thuế, phí và lệ phí hiện hành. Đảm bảo việc quản lý, vận hành Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt đạt hiệu quả.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Tổ chức vận hành thu, chi dịch vụ cấp nước

- a) Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn
- b) Cơ quan trực tiếp vận hành: Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và Môi trường đặc khu Lý Sơn.

2. Thông tin về đơn vị trực tiếp vận hành thu, chi dịch vụ cấp nước

- Tên đơn vị: Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn.

- Trụ sở cơ quan: Thôn Đông An Vĩnh, đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kết quả hoạt động sản xuất năm 2024

3.1. Sản lượng nước ngọt sản xuất 2024

- Công suất hiện tại: 03m³/giờ
- Kế hoạch vận hành sản xuất nước ngọt: 8h/ngày (thời gian lọc nước lệ thuộc vào giờ cấp điện của Nhà máy điện An Bình và thủy triều ảnh hưởng đến mực nước trong giếng nước mặn cung cấp nước đầu vào).
- Sản lượng nước dự kiến sản xuất trong 01 tháng: 720m³ (với khoảng 342 nhân khẩu cùng với các cơ sở kinh doanh dịch vụ, hàng quán và các cơ quan, đơn vị có trụ sở trên địa bàn thì lượng nước sản xuất và cung cấp không vượt định mức 2m³/người/tháng đối với hộ gia đình sử dụng nước để sinh hoạt).
- Sản lượng nước sản xuất năm 2024: 4.708m³ (sản xuất trong 08 tháng), Nhà máy hư hỏng ngừng hoạt động từ tháng 01/2024 đến tháng 04/2024.
- Sản lượng nước thương phẩm 4.488m³ (hao hụt, thất thoát nước 4,67%).

* Trong đó:

- Nước sạch sinh hoạt hộ dân cư là: 4.478m³
- Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: 10m³
- Hoạt động sản xuất: 0m³
- Kinh doanh - dịch vụ: 0m³

3.2. Doanh thu năm 2024: 41.707.148 đồng

4. Kế hoạch sản xuất năm 2025

4.1. Dự kiến lượng nước ngọt sản xuất, cung cấp cho Nhân dân

- Công suất hiện tại: 02m³/giờ
- Kế hoạch vận hành sản xuất nước ngọt: 10h/ngày (thời gian lọc nước lệ thuộc vào giờ cấp điện của Nhà máy điện An Bình và thủy triều ảnh hưởng đến mực nước trong giếng nước mặn cung cấp nước đầu vào).

- Sản lượng nước dự kiến sản xuất trong 01 tháng: 600m^3 (với khoảng 342 nhân khẩu cùng với các cơ sở kinh doanh dịch vụ, hàng quán và các cơ quan, đơn vị có trụ sở trên địa bàn thì lượng nước sản xuất và cung cấp sẽ không vượt định mức $2\text{m}^3/\text{người/tháng}$ đối với hộ gia đình sử dụng nước để sinh hoạt).

- Sản lượng nước dự kiến sản xuất năm 2025: 7.200m^3 .

- Sản lượng nước thương phẩm dự kiến bán ra: 6.120m^3 (hao hụt, thất thoát nước 15%, theo Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

* Trong đó:

- Nước sạch sinh hoạt hộ dân cư là: 6.000m^3
- Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: 120m^3
- Hoạt động sản xuất: 0m^3
- Kinh doanh - dịch vụ: 0m^3

4.2. Doanh thu dự kiến năm 2025

* Giá nước sạch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 về việc phê duyệt Phương giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình, huyện Lý Sơn (bao gồm thuế GTGT 5%, phí BVMT 10%):

- Hộ dân cư:

- + Trong định mức $2\text{m}^3/\text{người/tháng}$: 11.000 đồng
- + Sử dụng vượt định mức $2\text{m}^3/\text{người/tháng}$: 99.145 đồng;
- Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: 124.922 đồng.

* Dự kiến tổng tiền thu khách hàng năm 2025:

- Số lượng nước người dân dùng trong định mức = $342\text{ người} \times 12\text{ tháng} \times 2\text{m}^3 = 8.208\text{m}^3$

- Số tiền thu trong định mức = $6.000\text{m}^3 \times 11.000\text{ đồng}/\text{m}^3 = 66.000.000\text{ đồng}$

- Số tiền thu Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp = $120\text{m}^3 \times 124.922\text{ đồng}/\text{m}^3 = 14.990.640\text{ đồng}$.

Tổng thu: 80.990.640 đồng

5. Chi phí sản xuất năm 2025

5.1. Chi phí vật tư trực tiếp

Chi phí vật tư trực tiếp là những khoản chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, động lực, công cụ, dụng cụ sử dụng trực tiếp sản xuất ra nước sạch như: điện, hóa chất Antiscalant, hóa chất Chlorine và các vật liệu công cụ, dụng cụ khác dùng cho công tác xử lý nước.

- Chi phí điện năng cho sản xuất: Tổng điện năng tiêu thụ cho trạm (Máy bơm các loại) nhân (x) với giá điện tại thời điểm hiện hành.

+ Định mức tiêu thụ điện:

Bình quân 01 giờ với đầu vào 10 m³ nước biển lọc được 3 m³ nước ngọt, tiêu thụ điện hết 36 kWh.

Định mức 1 m³ nước ngọt thương phẩm điện năng tiêu hao hết 12 kWh.

Định mức nước cấp cho 500 nhân khẩu: 12.000 m³/năm.

+ Giá điện: Lấy bình quân giá bán lẻ điện cho sản xuất (Mục 1.4) theo Quyết định 2941/QĐ-BCT ngày 08/11/2023 của Bộ Công thương Quy định về giá bán điện.

- Vật liệu phụ dùng cho công tác xử lý nước: Hóa chất Chlorine và hóa chất Antiscalant; Acid citric, Sodiumtripholyphosphat Tetrasodium,...vệ sinh rửa ngược màng và đường ống dẫn trong RO.

- Hóa chất sử dụng kiểm tra chất lượng nước mỗi ca bơm (nếu có).

Biểu 1: Chi phí vật tư trực tiếp (C_{vt})

T T	Nội dung	Lượng nước sản xuất m ³ / năm	Định mức	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	Điện năng tiêu thụ.				
	Điện năng tiêu thụ cho trạm	7.200	12kW/h/1m ³	2.102	181.612.800
2	Vật liệu phụ dùng cho công tác xử lý nước (nước biển)				46.305.000
2.1	Chlorine		135 lít/năm	78.000	10.530.000
2.2	Antiscalant		135 lít/năm	265.000	35.775.000
	Tổng cộng C_{vt}				227.917.800

Tổng chi phí vật tư trực tiếp (C_{vt}): 227.917.800 đồng/năm.

5.2. Chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản chi mà các đơn vị cấp nước phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất bao gồm: Tiền lương, các khoản trích theo lương, tiền ăn ca và khoán công tác phí theo quy định của pháp luật.

- Đơn giá tiền lương, khoán công tác phí.

+ Tiền lương: Áp dụng mức lương tối thiểu 2.340.000 đồng, theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

+ Hệ số lương: Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 về hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

+ Công tác phí: Thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ hoặc quy định cụ thể của từng địa phương.

- Chi phí bảo hiểm (BHXH, BH TNLĐ-BNN, BHYT, BHTN), Kinh phí công đoàn:

+ Mức đóng BHXH, BH TNLĐ-BNN, BHYT, BHTN: Thực hiện theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của bảo hiểm xã hội Việt Nam Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế với tổng mức đóng các loại là 21,5% trong đó: BHXH (17%), BH TNLĐ-BNN (0,5%), BHYT (3%), BHTN (1%).

+ Mức đóng kinh phí Công đoàn (KPCĐ): Thực hiện theo Nghị định 191/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết về tài chính Công đoàn với tổng mức trích là 2%.

- Bảo hộ lao động (01 bộ gồm: quần, áo, mũ, túi, giày, ủng, áo mưa, găng tay, khẩu trang...).

Biểu 2: Chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC})

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ/người/năm)	Thành tiền (đ/năm)
1	Lương và các khoản đóng góp viên chức quản lý	VC	01	211.972.950	211.972.950
2	Lương công nhân trực tiếp	CN	03	74.347.200	223.041.600
3	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (23,5%) của công nhân	%	23.5	17.471.592	52.414.776
4	Khoản công tác phí (500.000 đ/tháng/người)	Người	4	6.000.000	24.000.000
5	Bảo hộ lao động	CN	4	1.500.000	6.000.000
	Tổng cộng				517.429.326

Tổng chi phí nhân công trực tiếp (C_{NC}): 517.429.326 đồng/năm.

5.3. Chi phí sản xuất chung

Gồm các khoản chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung ngoài các chi phí vật tư trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp phát sinh như: Khấu hao, sửa chữa tài sản cố định, vật liệu, chi phí thay thế phụ tùng và các đồ dùng, công cụ, dụng cụ dùng cho phân xưởng, kiểm nghiệm, thử nghiệm, thử nghiệm tiêu chuẩn nước sạch, dịch vụ mua ngoài, chi phí nhân công trả cho nhân viên phân xưởng và các chi phí bằng tiền khác theo quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch.

- Gồm các khoản chi phí thay thế phụ tùng, vật tư, thiết bị, công cụ, dụng cụ và các đồ dùng khác trong quá trình vận hành: do đặc thù yêu cầu về kỹ thuật nên việc thay thế lõi lọc thô và màng lọc RO định kỳ là rất cần thiết theo sự hướng dẫn của Công ty TNHH CNN Doosan Vina

+ Màng lọc RO: định kỳ 3 năm thay 1 lần, 01 lần thay 08 màng lọc. Để đảm bảo hiệu suất trung bình và không làm gián đoạn hoạt động của Nhà máy, 01 năm sẽ thay 03 màng lọc mới trong tổng 08 màng lọc.

+ Lỗi lọc thô: định kỳ 3 tháng thay 1 lần, 1 lần 12 cái.

- Chi phí bảo trì, bảo dưỡng công trình xây dựng: chi phí sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định: thực hiện theo Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 09/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng, đối với công trình hạ tầng kỹ thuật là $0,18 \div 0,25$ nhân với tổng chi phí xây dựng và thiết bị công trình.

- Chi phí kiểm tra chất lượng nước hàng tháng với các chỉ tiêu (14 chỉ tiêu) theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương 01:2023/QNg về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đơn giá tính theo Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập. Tối thiểu hàng quý xét nghiệm 1 lần, mỗi năm xét nghiệm tối thiểu 04 lần/năm.

Biểu 3: Bảng tính chi phí sản xuất chung (C_{SXC}).

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đ/năm)
1	Thay màng lọc RO	cái	03	25.000.000	75.000.000
2	Lỗi lọc thô	cái	48	790.000	37.920.000
3	Chi cho công tác bảo trì, bảo dưỡng công trình xây dựng	Năm	0,18%	21.017.773.940	37.831.993
4	Xét nghiệm nước	Lần	4	1.456.000	5.824.000
	Tổng cộng				156.575.993

Tổng chi phí sản xuất chung (C_{SXC}): 156.575.993 đồng/năm.

5.4. Chi phí quản lý

Gồm các khoản chi phí quản lý chung như: vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao, sửa chữa tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế, phí và lệ phí, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí nhân công và các khoản chi phí bằng tiền khác như hỗ trợ chi phí kỹ thuật công ty Doosan ra kiểm tra khắc phục sửa chữa, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ, sáng kiến, cải tiến, giáo dục, đào tạo, y tế cho người lao động, chi cho lao động nữ và các khoản chi phí quản lý khác theo quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Chi phí vật liệu, đồ dùng cho văn phòng Nhà máy lọc nước;

- Các khoản thuế, phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài thuộc văn phòng Hệ thống cấp nước;

- Phí Bảo vệ môi trường (theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải; Công văn số 1924/UBND-NNTN ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai áp dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Trong đó:

+ Phí bảo vệ môi trường tính cho mức giá bán nước dự kiến (chưa bao gồm VAT) nhân với phí BVMT tỉnh Quảng Ngãi 10% trên giá bán $1m^3$ nước sạch nhân sản lượng nước thương phẩm.

+ Tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường: thực hiện theo Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đối với đơn vị cung cấp nước sạch để lại 9% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được).

- Giá tính thuế Tài nguyên: thực hiện theo Quyết định 83/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (nước mặt 4.000 đồng/m³; nước ngầm 6.000 đồng/m³).

+ Thuế suất thuế tài nguyên: theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên (nước mặt 1%; nước ngầm 5%).

- Chi bằng tiền khác: là các khoản chi bằng tiền phát sinh thực tế mà không có trong các mục chi phí đã nêu theo chế độ quy định hiện hành.

Biểu 4: Chi phí quản lý (C_{Ql})

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ/tháng)	Thành tiền
1	Chi phí mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị điện, quạt mát, bóng điện, bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in ... phục vụ công tác quản lý và điều hành nhà máy.	Tháng	12	2.500.000	30.000.000
2	Chi dịch vụ mua ngoài: Vật liệu văn phòng; Văn phòng phẩm; công cụ, dụng cụ, đồ dùng trong văn phòng; vật phẩm phục vụ các ngày lễ, tết Nguyên đán; nước uống; rác thải, ...	Tháng	12	2.000.000	24.000.000
3	Thuế môn bài	Năm	1	1.000.000	1.000.000
4	Thuế Tài nguyên (giá tính thuế 4.000đ/m ³ , thuế suất 1%)	m ³	7.200	40	288.000
TỔNG CỘNG					55.288.000

Tổng chi phí quản lý (C_{Ql}): 55.288.000 đồng/năm.

5.5. Chi phí bán hàng (C_{Bh})

Gồm những khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ như: đầu tư đồng bộ bao gồm cả đồng hồ đo nước và thiết bị phụ trợ khác mạng cấp nước của đơn vị cấp nước đến điểm đầu nối với khách hàng sử dụng nước trừ trường hợp các bên thỏa thuận khác, quảng cáo, dịch vụ mua ngoài, duy trì đầu nối, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nhân công và các khoản chi phí khác theo quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Biểu 5: Chi phí bán hàng(C_{Bh})

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng/hđ)	Thành tiền
1	Mua hóa đơn điện tử	Hóa đơn	2.000	550	1.100.000
2	Mực in hóa đơn tiền nước	Hóa đơn	2.000	350	700.000
TỔNG CỘNG					1.800.000

Tổng chi phí bán hàng (C_{Bh}): 1.800.000 đồng/năm.

5.6. Tổng chi phí sản xuất nước sạch

Biểu 6: Tổng chi phí sản xuất nước sạch

TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Số tiền
1	Chi phí vật tư trực tiếp	C_{vt}	227.917.800
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C_{Nc}	517.429.326
3	Chi phí sản xuất chung	C_{Sxc}	156.575.993
4	Chi phí quản lý	C_{Ql}	55.288.000
5	Chi phí bán hàng	C_{Bh}	1.800.000
	Tổng chi phí sản xuất nước sạch	Ct	959.011.119

6. Ngân sách nhà nước cấp bù

Chi phí sản xuất của $1m^3$ nước sạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 về việc phê duyệt Phương giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại Nhà máy lọc nước biển thành nước ngọt An Bình là 99.145 đồng/ m^3 và trong năm 2025 sản lượng nước tiêu thụ là $6.120m^3$.

- Tổng chi phí sản xuất nước ngọt năm 2025 là $6.120 m^3 \times 99.145 \text{đồng}/m^3 = 606.767.400 \text{ đồng}$.

- Ngân sách Nhà nước cấp bù: $606.767.400 - 80.990.640 = 525.776.760 \text{ đồng}$.

- Tổng dự toán thu được từ thực tế sau khi sử dụng cho các chi phí liên quan đến sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt sẽ nộp vào ngân sách Nhà nước (nếu có). Nguồn thu tiền sử dụng nước và nguồn ngân sách nhà nước cấp bù thấp hơn so với chi phí sản xuất nước dự kiến của đơn vị. Vì vậy, đề nghị đơn vị cân đối sử dụng cho phù hợp.

III. THỜI GIAN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN: Năm 2025. Từ nguồn thu dịch vụ cung cấp nước sạch từ hộ dân, các cơ quan HCSN và các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn An Bình và nguồn kinh phí cấp bù của ngân sách nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đội Quản lý trật tự xây dựng, đô thị và môi trường

- Tổ chức đào tạo cho nhân viên vận hành Nhà máy thực hiện đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống. Phân công theo dõi chỉ đạo Tổ quản lý, vận hành nhà máy đúng quy trình kỹ thuật của Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Việt Nam hướng dẫn và theo phương án quản lý, vận hành đã được phê duyệt.

- Quản lý nhân sự của Nhà máy, triển khai thực hiện phương án thu, chi được thẩm định, phê duyệt. Quyết toán thu, chi theo chế độ tài chính quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên kiểm tra công tác quản lý, vận hành khai thác của Nhà máy đảm bảo hoạt động hiệu quả.

2. Bộ phận Kế toán - Tài chính

- Trên cơ sở phương án thu, chi được phê duyệt, hướng dẫn Tổ quản lý vận hành thực hiện công tác ký kết hợp đồng sử dụng nước, thu tiền sử dụng nước, thanh quyết toán đúng quy định của pháp luật.

- Tham mưu Đội trưởng kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện thu, chi các hoạt động của Nhà máy lọc nước theo quy định.

3. Tổ vận hành Nhà máy lọc nước

- Vận động và hướng dẫn bà con nhân dân sử dụng nước cần phải hết sức tiết kiệm chống lãng phí, xử lý nghiêm những hộ dân tự ý lấy nước để bán cho các tàu cá hoặc các công trình thi công để thu lợi nhuận và những hộ chây lì không nộp tiền nước hằng tháng đúng quy định.

- Tổ quản lý vận hành nhà máy trực tiếp gồm có 03 người nên có trách nhiệm bảo vệ tài sản trong nhà máy. Nếu xảy ra mất mát tài sản phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Lập dự toán thu, chi hàng năm theo phương án được thẩm định, phê duyệt.

- Thực hiện các quy định của nhà nước về khai thác nguồn nước.

Trên đây là nội dung Phương án thu, chi của Nhà máy lọc nước biến thành nước ngọt An Bình, đặc khu Lý Sơn năm 2025. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các đơn vị kiến nghị với UBND đặc khu để kịp thời chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp./.